TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**
Số: **417**/2022/QĐST-HNGĐ	Cẩm Lệ, ngày 21 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ -TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 387/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1/ Chị **Lê Thị Mỹ L,** sinh năm: 1993.
Địa chỉ: Số 29/15 đường T, Tổ 24, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.
Địa chỉ liên lạc hiện nay: Tổ 2 Thôn T, xã H, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng

2/ Anh **Tán Phạm Hoàng N,** sinh năm: 1984.
Địa chỉ: Số 29/15 đường T, Tổ 24, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ L và anh Tán Phạm Hoàng N thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Mỹ L và anh Tán Phạm Hoàng N xác nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung là Tán Lê V1, sinh ngày 29/5/2013 và Tán Lê V2, sinh ngày 27/9/2014.

Ly hôn, chị L và anh N thỏa thuận:

+ Giao con chung là Tán Lê V2, sinh ngày 27/9/2014 cho mẹ là Lê Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Giao con chung là Tán Lê V1, sinh ngày 29/5/2013 cho ba là Tán Phạm Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng.

Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Chị L và anh N xác nhận không có.

[4] Về quan hệ nợ chung: Chị L và anh N xác nhận không có.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, chị Lvà anh N mỗi người phải chịu 150.000đ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ L và anh Tán Phạm Hoàng N thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Mỹ L và anh Tán Phạm Hoàng N thỏa thuận:

+ Giao con chung là Tán Lê V2, sinh ngày 27/9/2014 cho mẹ là Lê Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Giao con chung là Tán Lê V1, sinh ngày 29/5/2013 cho ba là Tán Phạm Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng.

Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

- Về vấn đề khác: Không có.

2/ Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Lê Thị Mỹ L và anh Tán Phạm Hoàng N mỗi người phải chịu 150.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị L anh N đã nộp tại biên lai thu số 0002129 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ , thành phố Đà Nẵng.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- UBND phường H, quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

(Giấy CNKH số: 03/2013 đăng ký ngày 05/01/2013)

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ THANH NGA